

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH LUẬT KINH DOANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4117/QĐ-ĐT, ngày 06 tháng 12 năm 2012
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Luật kinh doanh
 - + Tiếng Anh: Business Law
- Mã số ngành đào tạo: 52380109
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Luật kinh doanh
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Business Law
- Đơn vị đào tạo: Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu đào tạo

Trang bị cho người học những kiến thức kinh tế cơ bản; những kiến thức pháp lý nền tảng và tư duy pháp lý mang tính hệ thống; những kiến thức chuyên sâu về môi trường pháp lý kinh doanh trong và ngoài nước và đạo đức kinh doanh. Giúp người học đạt được một số kỹ năng pháp lý, kỹ năng nghề nghiệp cơ bản, có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn

3. Thông tin tuyển sinh

Tuyển sinh trong các đợt thi tuyển sinh đại học cấp quốc gia, thí sinh có thể dự thi theo các khối: A, A1, D1, D3.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí

Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải về các vấn đề hiện đại về nhà nước và pháp luật.

- Vận dụng các kiến thức nền tảng khoa học xã hội và khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Vận dụng các khối kiến thức cơ bản của nhóm ngành về lý luận- lịch sử nhà nước và pháp luật cũng như một số ngành khoa học xã hội- nhân văn khác vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Áp dụng các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lý chuyên ngành về luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự, luật hình sự, luật kinh doanh, luật quốc tế... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc.

- Hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực pháp luật để phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể.

- Hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn, rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống. Xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ. Viết đơn giản những liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Mô tả và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

- Nhớ và giải thích được các kiến thức cơ bản về thông tin, nguyên lý Von Neumann, mạng truyền thông. Sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet ...). Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Hiểu và áp dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ trong các trường hợp cụ thể.

- Vận dụng kiến thức thực tế, thực tập để bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai và thích ứng với những thay đổi của môi trường làm việc.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng

- Bước đầu có kỹ năng trong đàm phán, giao kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận kinh doanh - thương mại;

- Có kỹ năng cơ bản trong giải quyết các tranh chấp kinh doanh – thương mại;

- Bước đầu có khả năng tư vấn pháp luật kinh doanh (công ty, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, kiểm toán, chứng khoán, tài chính, tài nguyên, môi trường, sở hữu trí tuệ...) một cách độc lập;

- Có kỹ năng cơ bản trong thành lập và quản trị doanh nghiệp;

- Bước đầu có khả năng nhận biết và sử dụng các công cụ, phương pháp thích hợp để quản lý rủi ro trong kinh doanh;

- Có kỹ năng tiếp nhận và ứng dụng các kết quả nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh doanh vào thực tiễn;

2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm;

- Có kỹ năng giao tiếp, trình bày và thuyết trình tốt;

- Có kỹ năng giải quyết công việc một cách logic và sáng tạo;

- Có khả năng thích ứng nhanh với thay đổi của thực tiễn;

- Bước đầu có khả năng phản biện xã hội;

- Giao tiếp được bằng ít nhất một ngoại ngữ thông dụng;

- Sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: soạn thảo tài liệu; quản lý dữ liệu qua các bảng tính; trình chiếu; khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; làm được trang web đơn giản. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng. Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Có khả năng phân tích, đánh giá và lập trình quản lý thông qua macro và mô đun đơn giản trong Visual Basic.

3. Về phẩm chất đạo đức

- Có ý thức tự tôn dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân; tôn trọng pháp luật.

- Có hành vi và lời nói chuẩn mực, kiên định và trung thực, thẳng thắn trong cuộc sống và công việc; tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống; biết lắng nghe và phản biện.

- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức bảo vệ công lí, bảo vệ lợi ích cộng đồng và xã hội;

- Có ý thức vượt khó, tinh thần cầu thị trong học tập và lao động;

- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học; chuyên nghiệp và chủ động trong công việc;

- Có thái độ thân thiện với bạn bè, đồng nghiệp, đối tác.

4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- *Nhóm 1:* Làm việc cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước thuộc mọi lĩnh vực của đời sống kinh doanh;

- *Nhóm 2:* Hành nghề luật sư độc lập hoặc làm việc cho các công ty luật, các trung tâm tư vấn pháp lí

- *Nhóm 3:* Làm việc trong các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp thuộc bộ máy nhà nước từ trung ương tới địa phương, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, nghề nghiệp;

- *Nhóm 4:* Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ và các tổ chức quốc tế;

- *Nhóm 5:* Nghiên cứu và giảng dạy về pháp luật kinh doanh tại các viện, trung tâm nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề trong và ngoài nước.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	131 tín chỉ
- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:	27 tín chỉ
<i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm)</i>	
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:	6 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>2 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>4/19 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức chung của khối ngành:	16 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>14 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>2/6 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:	59 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>55 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>4/10 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:	14 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>10 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>4/14 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	9 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khởi kiến thức chung (không tính các môn học từ số 9 đến số 11)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6		Ngoại ngữ A1	4	16	40	4	
	FLF1105	Tiếng Anh A1					
	FLF1205	Tiếng Nga A1					
	FLF1305	Tiếng Pháp A1					
	FLF1405	Tiếng Trung A1					
7		Ngoại ngữ A2	5	20	50	5	
	FLF1106	Tiếng Anh A2					FLF1105
	FLF1206	Tiếng Nga A2					FLF1205
	FLF1306	Tiếng Pháp A2					FLF1305
	FLF1406	Tiếng Trung A2					FLF1405
8		Ngoại ngữ B1	5	20	50	5	
	FLF1107	Tiếng Anh B1					FLF1106
	FLF1207	Tiếng Nga B1					FLF1206
	FLF1307	Tiếng Pháp B1					FLF1306
	FLF1407	Tiếng Trung B1					FLF1406
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng –an ninh	8				
11		Kĩ năng mềm	3				
II		Khởi kiến thức chung theo lĩnh vực	6				
II.1		Bắt buộc	2				
12	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	6	4	
II.2		Tự chọn	4/19				
13	BSA20	Quản trị học	3	24	18	3	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
14	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	8	2	
15	PSY1050	Tâm lý học đại cương	2	24	6		
16	POL1052	Chính trị học đại cương	3	32	9	4	
17	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	28	2		
18	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	32	9	4	
19	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	20	8	2	
20	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	18	6	6	
III		Khối kiến thức chung của khối ngành	16				
III.1		Bắt buộc	14				
21	THL1054	Lý luận về nhà nước và pháp luật	3	27	12	6	
22	THL1058	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	24	15	6	
23	CAL1007	Luật hiến pháp	3	36		9	
24	CAL1008	Luật hành chính	3	30	6	9	
25	PEC1054	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	24	6		
III.2		Tự chọn	2/6				
26	THL1053	Luật học so sánh	2	24		6	
27	BSA2051	Tài chính doanh nghiệp	2	16	12	2	
28	BSA2021	Nguyên lý quản trị kinh doanh	2	18	12		
IV		Khối kiến thức chung của nhóm ngành	59				
IV.1		Bắt buộc	55				
29	INE2050	Kinh tế vi mô	3	30	12	3	
30	INE2051	Kinh tế vĩ mô	3	30	12	3	INE2050
31	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3	27	18		
32	CIL2002	Luật dân sự 1	2	26		4	CAL1007
33	CIL2009	Luật dân sự 2	3	39		6	CIL2002
34	CIL2010	Luật dân sự 3	3	39		6	CIL2002
35	CIL2004	Luật hôn nhân và gia đình	2	26		4	CIL2010
36	CRL1008	Luật hình sự	4	40	8	12	CAL1007
37	CRL2006	Luật tố tụng hình sự	2	18	6	6	CRL1008
38	CIL2007	Luật tố tụng dân sự	2	26		4	CIL2002
39	BSL2001	Luật thương mại 1	3	36		9	CIL2002
40	BSL2002	Luật thương mại 2	3	36		9	CIL2002

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
41	BSL1010	Luật tài chính	3	36		9	BSL2001
42	BSL1006	Luật ngân hàng	3	36		9	BSL2001
43	BSL1007	Luật đất đai	3	36		9	CAL1008
44	BSL1008	Luật môi trường	3	36		9	CAL1008
45	BSL2029	Luật lao động	4	48		12	CIL2002
46	INL2004	Công pháp quốc tế	3	20	16	9	CAL1007
47	INL2006	Tư pháp quốc tế	3	20	16	9	CIL2007
IV.2		Tự chọn	4/10				
48	BSA2052	Thanh toán quốc tế	2	18	10	2	
49	BSL2009	Pháp luật an sinh xã hội	2	24		6	BSL2029
50	BSL1009	Pháp luật về thị trường bất động sản	2	24		6	BSL2029
51	BSL3025	Hợp đồng mua bán hàng hóa	2	24		6	BSL2002
52	CIL2006	Pháp luật về sở hữu trí tuệ	2	26		4	CIL2009
V		Khởi kiến thức ngành và bổ trợ	14				
V.1		Bắt buộc	10				
53	BSL2023	Quản trị công ty	2	24		6	BSL2002
54	BSL2011	Pháp luật tài chính doanh nghiệp	2	24		6	BSL2002
55	BSL2024	Luật môi trường quốc tế	2	24		6	BSL1008
56	BSL2010	Pháp luật về thị trường chứng khoán	2	24		6	BSL2002
57	BSL2008	Luật cạnh tranh	2	26		4	BSL2001
V.2		Tự chọn	4/14				
58	BSL2026	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	18	6	6	BSL2002
59	BSL2025	Kỹ năng tư vấn tài chính kế toán	2	18	6	6	BSL1010
60	BSL3045	Kỹ năng giải quyết tranh chấp lao động và đình công	2	18	6	6	BSL2029
61	BSL2030	Kỹ năng giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng	2	18	6	6	BSL1006
62	BSL2027	Kỹ năng giải quyết tranh chấp đất đai	2	18	6	6	BSL1007
63	BSL2028	Pháp luật về đánh giá tác động môi trường	2	24		6	BSL1008
64	BSL3040	Pháp luật về bảo hiểm tiền gửi	2	24		6	BSL1006
VI		Khởi kiến thức thực tập và tốt nghiệp	9				

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
65	FOL4001	Niên luận -Thực tập, thực tế	3				
66	FOL4055	Khóa luận hoặc môn học thay thế tốt nghiệp (<i>Chọn trong khối kiến thức tự chọn của khối kiến thức M3; M4; M5 những môn sinh viên chưa học</i>)	6				
		Tổng cộng	131				